

Số: 41/2021/QĐST-HNGĐ

Thuỷ Nguyên, ngày 27 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 927/2020/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa:

Chị Lê Thị T, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: A, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã T1, huyện T2, thành phố Hải Phòng và anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú: A, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã T1, huyện T2, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn Đ.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn Đ thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Phạm Thanh M sinh ngày 01/12/2008 và Phạm Ánh N sinh ngày 24/8/2011 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con

có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn Đ không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về án phí: Chị Lê Thị T nhận nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015623 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị T được trả lại số tiền là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi Cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã N1, huyện T2, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 19 ngày 10/3/2008);
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Trung Hiếu